

Bản án số: **39/2023/HS-ST**

Ngày 20 - 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Thanh.

2. Ông Trần Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/20232/TLST - HS ngày 24 tháng 5 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST - HS ngày 06 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Chu Đình B**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10/5/1991 tại: xã HT, huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa; Nơi cư trú và nơi ở hiện tại: Thôn ĐL, xã HT, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Bố: Chu Đình S1, sinh năm 1965; Mẹ: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con đầu; Vợ: Cao Thị T2, sinh năm 1996; Có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2022, đến ngày 01/01/2023 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đào Quang T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10/9/1988 tại xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKNK: Thôn VP, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: Thôn X, xã Y, huyện Yên

Định, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Bố: Đào Quang S2 - Đã chết; Mẹ: Vũ Thị Đ1, sinh năm: 1966; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con đầu; Vợ: Lê Thị C1, sinh năm 1984; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/8/2014 bị Công an huyện Yên Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng.

Ngày 11/4/2023 bị Công an huyện Yên Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Không duy trì đúng và đầy đủ các điều kiện về an ninh, trật tự trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2022, đến ngày 01/01/2023 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lê Xuân K**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 02/6/1994 tại thị trấn I, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKNK: Tiểu khu 8, thị trấn I, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Bố: Lê Xuân L1 (đã chết); Mẹ: Đào Thị H1, sinh năm 1968; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Lê Thị H2, sinh năm 1996; Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2022, đến ngày 30/12/2022, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Trương Thị Quỳnh N**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 12/4/2005 tại xã E, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa; Tính đến thời điểm phạm tội bị cáo 17 tuổi 08 tháng 18 ngày; Nơi ĐKNK: Thôn 1, xã E, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Bố: Trương Văn L2, sinh năm 1979; Mẹ: Bùi Thị H3, sinh năm 1984; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con đầu; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2022, đến ngày 01/01/2023 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Trương Thị A**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 20/4/1990 tại xã O, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn LT, xã O,

huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Bố: Trương Văn L3, sinh năm 1957; Mẹ: Phạm Thị K1, sinh năm 1957; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con đầu; Chồng: Hà Văn D1, sinh năm 1998, đã ly hôn; Con: Hà Trí Dũng, sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2022, đến ngày 01/01/2023 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Vi Thị Đ**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 07/8/2003 tại xã NX, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Bản DB, xã NX, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Bố: Vi Văn C2, sinh năm 1985; Mẹ: Hà Thị K2, sinh năm 1983; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con đầu; Chồng: Cao Văn Q1, sinh năm 1995 (đã ly hôn); Con: Cao Đức D2, sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2022 đến ngày 02/01/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Vi Thị G**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 07/11/1998 tại xã HK, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKNK: Bản Z, xã HK, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Bố: Vi Văn D3, sinh năm 1966; Mẹ: Hà Thị X1, sinh năm 1974; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có chồng; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2022, đến ngày 01/01/2023 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 09/11/2004 tại xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú và nơi ở hiện tại: Thôn 1, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Bố: Nguyễn Văn N1, sinh năm 1971; Mẹ: Trịnh Thị T3, sinh năm 1973; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/12/2022, đến ngày 01/01/2023, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: **Ngô Văn C**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 26/3/2002 tại xã ĐB, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú và nơi ở hiện tại: Thôn 3, xã ĐB, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Bố: Ngô Văn L4 (đã chết); Mẹ: Trần Thị V1, sinh năm 1977; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu; Vợ: Phan Tú A, sinh năm 1997; Con: Ngô Anh P1, sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/11/2019 bị Công an huyện Yên Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/12/2022, đến ngày 01/01/2023, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: **Lê Anh L**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 05/10/1994 tại xã ĐB, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn 4, xã ĐB, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Bố: Lê Văn C3, sinh năm 1970; Mẹ: Hoàng Thị N2, sinh năm 1970; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Lê Thị Trường G1, sinh năm 1999; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 23/01/2022 bị Công an huyện Yên Định xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác. Bị cáo đã nộp phạt đầy đủ.

Nhân thân: Ngày 09/02/2023. Bị Cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố bị can về tội đánh bạc.

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án “Đánh bạc” theo Quyết định tạm giam số 42/2023/HSST – QĐTG ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Định. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị Quỳnh N, Trương Thị A, Vi Thị Đ và Vi Thị G:* Bà Lê Thị H4 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.(có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hoàng Viết M, sinh ngày 26/7/1994.(vắng mặt)

Địa chỉ: Tiểu khu 10, thị trấn I, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Hà Như P, sinh ngày 30/6/1992. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố LY, thị trấn Q, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Lê Đình Q, sinh ngày 05/5/1999. (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn XT, xã YT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
4. Chị Bùi Thuỳ D, sinh ngày 27/9/2001. (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn XT, xã YT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
5. Chị Sơn Thị Thanh S, sinh ngày 01/7/1994. (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 2, xã ĐL, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
6. Chị Nguyễn Thị Ngọc R, sinh ngày 13/01/2000. (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 2, xã ĐL, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Thế K3, sinh ngày 25/5/1998. (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐL, xã HT, huyện Hoằng Hoá, Thanh Hóa.
2. Anh Lê Văn Linh, sinh ngày 10/12/1991. (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.
3. Chị Vi Thị N3, sinh ngày 19/01/2004. (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.
4. Anh Nguyễn Văn M1 sinh ngày 08/02/1993. (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn VP, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
5. Anh Đào Quang L5, sinh ngày 20/12/1990. (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn VP, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người chứng kiến:* Ông Lê Văn T4, sinh ngày 18/7/1965. (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 25/12/2022, Chu Đình B gọi điện cho Đào Quang T là chủ quán karaoke Tuấn Giang ở thôn X, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa nói B đang lên quán để hát và nhờ T mua hộ cho ít ma túy loại Ketamine và ma túy dạng kẹo để sử dụng. T đồng ý, sau đó T điện thoại cho Lê Anh L, nhờ L biết chỗ nào bán ma túy lấy hộ cho T. Khi đó, L đang ngồi cùng với Ngô Văn C ở quán cầm đồ Tuấn M1 ở thôn 2, xã ĐL, huyện Yên Định nên nói lại việc T nhờ mua ma túy cho C biết. Lúc này, C nói lại với L để C gọi Nguyễn Văn H về quán hỏi xem thế nào. Một lát sau, H về đến quán Tuấn M1 và hỏi L là “T lấy bao nhiêu ?”. L gọi lại cho T, T nói lấy 2 chỉ Ketamine và 04 viên kẹo. L nói lại với H, H nói giá 10.000.000 đồng. L nhắn tin lại cho T nói H bảo hết 10.000.000 đồng. T chê đắt nên L đưa điện thoại của mình cho H và T nhắn tin thống nhất giá cả với nhau và chốt lại số tiền 9.500.000 đồng. Sau đó, T nhắn tin

lại số máy nhân viên quán Tuấn Giang cho L. L đọc số mà T vừa nhắn cho H để H tự liên lạc việc mua bán ma túy. Sau đó, L xóa toàn bộ nội dung tin nhắn rồi về nhà đi ngủ.

Do H không có điện thoại nên mượn điện thoại của C để lưu số T đã cho, H rủ C cùng đi mua ma túy thì C đồng ý. Sau đó, H gọi điện cho anh Hà Như P, sinh năm 1992, trú tại khu phố Lý Yên, thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định là lái xe taxi đến chở H và C đi đến quán Karaoke Tuấn Giang, ở thôn X, xã Y, huyện Yên Định. H tiếp tục dùng điện thoại của C để gọi vào số máy nhân viên của quán mà T đã cho trước đó để lấy tiền.

Tại quán Tuấn Giang, Đào Quang T nhắn tin cho Lê Xuân K là nhân viên của quán, dặn K khi nào B đến thì đón và dẫn lên phòng hát. T còn gọi cho Nguyễn Văn M1, sinh năm 1993 trú tại thôn VP, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa là nhân viên của quán dặn M1 để ý điện thoại tí có người đến giao đồ (tức là ma túy). Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày, thì Chu Đình B cùng với Nguyễn Thế K3, sinh năm 1998 ở thôn ĐL, xã HT, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa đến quán Tuấn Giang. K dẫn B và K3 lên phòng Vip 4 của quán. T tiếp tục nhắn cho K dặn mua 2 chỉ Ketamine và 04 viên kẹo với số tiền 9.500.000 đồng. Đồng thời bảo K lên gặp B để lấy thêm tiền mua ma túy. K quay lại phòng số 4 của quán thì thấy T đang ngồi cùng với B và K3 ở trong phòng. K hỏi B về tiền mua ma túy, B nói mua 01 chỉ Ketamine và 03 viên kẹo thôi thì T nói sợ không đủ nên cứ lấy 02 chỉ Ketamine và 04 viên kẹo, cả nhóm đồng ý. Do K không nhớ số tài khoản của mình nên đi xuống tầng 1 của quán mượn điện thoại và tài khoản của anh Hoàng Viết M, sinh năm 1994 trú tại thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa cũng là nhân viên của quán Tuấn Giang để B và T chuyển tiền vào. B sử dụng số tài khoản 0975966686 ngân hàng MB chuyển vào tài khoản 0979047894 ngân hàng MB của anh M 5.000.000 đồng, còn T sử dụng tài khoản số 0988688777 ngân hàng MB chuyển vào tài khoản của anh M 4.500.000 đồng.

Khi Nguyễn Văn H và Ngô Văn C đến cổng quán Tuấn Giang thì gặp Nguyễn Văn M1, M1 nói H và C vào trong sân đợi để M1 gọi T. Sau đó M1 gọi cho T thì T nói để K ra giải quyết. K cầm máy điện thoại của anh Hoàng Viết M đi ra ngoài gặp C và K để chuyển tiền mua ma túy. Do không nhớ mật khẩu số tài khoản của anh M nên K đi vào quán gọi anh M ra cổng nhờ anh M nhập mã OTP để chuyển tiền cho C và H. Do H không có số tài khoản nên nhờ số tài khoản của anh Hà Như P để K chuyển số tiền 9.500.000 đồng vào số tài khoản này. Sau khi chuyển tiền xong K và L đi vào trong quán, còn H và C tiếp tục nhờ anh P chở lên xã Yên Thọ để mua ma túy. Về nguồn gốc số ma túy, H khai mua của đối tượng tên Q người xã Yên Thọ, H không biết tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể người này.

Trên đường đi lên xã Yên Thọ, H nhận được cuộc gọi của tài khoản Facebook MonMon (chủ tài khoản là chị Sơn Thị Thanh S, sinh năm 1992, trú tại Ấp An Nhon, Thới An Hội, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đang là nhân viên quán karaoke Miền Tây ở xã ĐL, huyện Yên Định) nhờ H mua 03 viên ma túy dạng kẹo và nửa chỉ Ketamine, H đồng ý. Sau đó, số tài khoản 103871647972 mở tại ngân hàng VietinBank mang tên Nguyễn Thị Ngọc R đã chuyển số tiền 3.500.000 đồng đến số tài khoản của anh Hà Như P cho H. H chốt với đối tượng Q tổng cả 07 viên ma túy dạng kẹo và 02 chỉ Ketamine với giá 9.800.000 đồng. Q nhắn tin lại cho H số tài khoản 6996927092001 ngân hàng MB của Bùi Thùy D để H chuyển số tiền 9.800.000 đồng mua ma túy cho Q. H tiếp tục nhờ anh Hà Như P chuyển khoản số tiền 9.800.000 đồng vào tài khoản của Bùi Thùy D cho Q. Sau khi chuyển tiền, H và C ngồi trên xe taxi đợi Q mang ma túy đến. Một lúc sau có một người nam giới bịt khẩu trang đi xe máy đến (Do trời tối nên H không nhìn rõ mặt và biển số xe của người này), H hạ cửa kính xe ô tô cho người đàn ông ném số ma túy đã thoãn thuận mua vào trong xe cho H.

Trên đường quay trở về quán Tuấn Giang, H chia số ma túy vừa mua được ra các túi nhỏ khác gồm: 01 túi 04 viên ma túy dạng kẹo với 1,5 chỉ Ketamine để giao đến quán Tuấn Giang và 01 túi gồm 03 viên ma túy dạng kẹo và nửa chỉ Ketamine để giao cho facebook MonMon. Khi xe đi đến quán Tuấn Giang thì C gọi điện thoại vào số máy nhân viên của quán cho K ra lấy ma túy. Khi K ra đến gần xe thì H ném túi ma túy đã chia sẵn trước đó cho K nhặt. Sau đó, H tiếp tục bảo anh P lái xe chở H và C đến quán Karaoke Miền Tây ở thôn 2, xã ĐL, huyện Yên Định. H xuống xe đi bộ vào khu nhà trọ của nhân viên quán, rồi đặt túi ma túy ở cổng khu trọ và nhắn tin cho Facebook Mon Mon ra lấy. Sau đó, H nhờ anh Hà Như P rút số tiền thừa còn lại trong tài khoản đưa cho H, H dùng số tiền này trả tiền taxi, đi ăn đêm với C. Sau đó chia cho C 700.000 đồng tiền công, số tiền còn lại H để chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi lấy được ma túy, Lê Xuân K mang lên phòng Vip 4 quán karaoke Tuấn Giang đưa cho Đào Quang T, sau đó xuống phòng đi ngủ. Lúc này trong phòng Vip 4 gồm có: Đào Quang T, Chu Đình B, Nguyễn Thế K3, Lê Văn Linh, sinh năm 1991 ở thôn X, xã Y, huyện Yên Định (Linh đến quán Tuấn Giang chơi và được T rủ lên phòng Vip 4) và các nhân viên của quán là Vi Thị Đ, Vi Thị G, Trương Thị Quỳnh N. T lấy một viên ma túy dạng kẹo bẻ đôi lấy một nửa sử dụng, nửa còn lại T đưa cho Vi Thị Đ. Đ bẻ đôi phần ma túy này đưa cho Vi Thị G sử dụng một nửa, bản thân Đ sử dụng nửa còn lại. Ngoài ra T còn đưa cho Lê Văn Linh nửa viên ma túy dạng kẹo bảo Linh sử dụng. Số ma túy còn lại T đưa cho Chu Đình B. Sau khi nhận ma túy từ T, B bẻ đôi những viên ma túy dạng kẹo

ra, lấy một nửa viên sử dụng, B chia Nguyễn Thế K3 và Trương Thị Quỳnh N mỗi người một nửa, số ma túy dạng kẹo còn lại B để ra bàn ai sử dụng thì sử dụng. Một lúc sau, Đ rủ G đi lấy đĩa để cho B xào ketamine. Đ và G đi xuống bếp của quán để lấy đĩa, do Đ bận nghe điện thoại nên G lấy một đĩa sứ màu trắng hình bầu dục đưa lên phòng cho B. B nói đĩa bé không sử dụng được nên G tiếp tục đi xuống bếp lấy đĩa sứ khác màu trắng to hơn mang lên cho B. B nói Trương Thị Quỳnh N đi lấy thẻ nhựa để B xào ma túy. N nhắn tin cho Trương Thị A lúc này đang ở dưới nhà hàng của quán bảo N mang thẻ nhựa lên phòng Vip 4 lên để xào ke. A đi vào phòng ngủ của mình lấy thẻ ngân hàng Techcombank của Đào Quang T để lại trước đó rồi mang lên phòng Vip 4 để ở bàn. Sau đó A đi xuống dưới nhà hàng tiếp tục dọn dẹp. B đổ túi Ketamine ra đĩa, bật điện thoại lên bảo N soi cho B đốt đĩa xào và kẻ các đường ke. Đ xin Nguyễn Thế K3 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng rồi cuộn thành ống hút, cố định hai đầu bằng đầu lọc thuốc lá rồi để lên đĩa. Tiếp đó, N soi đèn cho B bê đĩa đi mời mọi người. Sau đó, lần lượt những người trong phòng Vip 4 như T, B, K3, Linh, N, Đ, G đều sử dụng ma túy dạng Ketamine bằng cách sử dụng ống hút do Đ cuộn để hít các đường ke.

Đến 0 giờ 30 phút, Trương Thị A đi lên phòng Vip 4 và ngồi cạnh Đào Quang T; B bê đĩa Ketamine mời A sử dụng, A đã sử dụng 02 đường ke. Đến khoảng 01 giờ ngày 26/12/2022, Vi Thị Đ bị đau bụng nên xuống phòng đi nghỉ, Vi Thị N3, sinh năm 2004 trú tại Bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, Thanh Hóa là nhân viên của quán lên phòng Vip 4 thấy Đ. Khi N3 vào phòng thì được B bê đĩa Ketamine đến mời, nên N3 đã cầm ống hút lên và sử dụng một đường ke. Sau đó, B tiếp tục xào nốt túi Ketamine còn lại cho mọi người sử dụng.

Đến hơn 03 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc các đối tượng đang tổ chức và sử dụng ma túy thì Lê Xuân K nhắn tin cho Trương Thị A nói nghỉ có công an theo dõi nên bảo A cất đĩa đi. A nói lại với K khi mọi người sử dụng xong sẽ đi cất. Đến 04 giờ, ngày 26/12/2022 A mang đĩa đựng ketamine ra ngoài bồn rửa ở quầy tầng 2 của quán để cất giấu thì bị Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thanh Hóa, phối hợp với Đội cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và Công an xã Y, huyện Yên Định tiến hành kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ: 01 đĩa sứ màu trắng; 01 ống hút được cuộn từ tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng; 05 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone.

Ngày 27/12/2022, Vi Thị Đ và Lê Xuân K đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đầu thú. Vi Thị Đ giao nộp 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 12 màu xanh ngọc. Lê Xuân K giao nộp 01 điện thoại di động đã qua sử dụng Iphone 6 plus màu vàng.

Ngày 29/12/2022, Nguyễn Văn H và Ngô Văn C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa để đầu thú.

Sau khi vụ án được chuyển về Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Định để điều tra theo thẩm quyền, ngày 28/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Định đã khởi tố bị can đối với Lê Anh L về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Kết quả giám định mẫu nước tiểu thu của Chu Đình B, Lê Văn Linh, Nguyễn Thế K3, Trương Thị Quỳnh N, Vi Thị G, Đào Quang T, Trương Thị A, Vi Thị Đ, Vi Thị N3 đều dương tính với ma túy loại MDMA hoặc Ketamine.

Về vật chứng của vụ án: Các vật chứng thu giữ khi bắt quả tang và khi đầu thú các bị can giao nộp gồm: 01 đĩa sứ màu trắng; 01 ống hút được cuốn từ tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu vàng của Chu Đình B; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 12 màu xanh của Đào Quang T; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 11 promax màu vàng của Vi Thị G; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone XS max màu vàng của Trương Thị Quỳnh N; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 12 pro màu vàng của Trương Thị A; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 12 màu xanh ngọc của Vi Thị Đ; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng mặt sau nhiều trầy xước, mặt kính nứt vỡ đã qua sử dụng của Lê Xuân K.

Các vật chứng trên hiện đang được quản lý và nhập kho vật chứng chờ xử lý theo quy định.

Đối với chiếc điện thoại của Ngô Văn C, C khai sau khi nghe quán Tuấn Giang bị bắt C đã vứt chiếc điện thoại đi. Đối với chiếc điện thoại của Lê Anh L, L khai điện thoại đã bị hỏng nên đã vứt ở đâu không nhớ nên không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKSÝĐ ngày 23/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định truy tố các bị cáo: Chu Đình B, Đào Quang T, Lê Xuân K, Trương Thị A, Vi Thị Đ, Vi Thị G về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trương Thị Quỳnh N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Ngô Văn C và Lê Anh L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Chu Đình B, Đào Quang T, Lê Xuân K, Trương Thị A, Vi Thị Đ, Vi Thị G, Trương Thị Quỳnh N, Nguyễn Văn H, Ngô Văn C và Lê Anh L khai nhận K bộ hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định luận tội giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật để xử phạt các bị cáo như sau:

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Chu Đình B từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/12/2022.

Xử phạt: Đào Quang T từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/12/2022.

Xử phạt: Lê Xuân K từ 07 năm 03 tháng tù đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/12/2022.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17. Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trương Thị A từ 06 năm 06 tháng tù đến 06 năm 09 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/12/2022.

Xử phạt: Vi Thị G từ 06 năm 06 tháng tù đến 06 năm 09 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/12/2022.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s, i, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17. Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Vi Thị Đ từ 06 năm 03 tháng tù đến 06 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ 27/12/2022 đến ngày 02/01/2023) Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17. Điều 38, Điều 54, Điều 58. Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Trương Thị Quỳnh N từ 06 năm đến 06 năm 03 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/12/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Nguyễn Văn H từ 33 tháng tù đến 39 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 29/12/2022.

Xử phạt: Ngô Văn C từ 27 tháng tù đến 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 29/12/2022.

Xử phạt: Lê Anh L từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: - 01 đĩa sứ màu trắng đã qua sử dụng;

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm: 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu vàng của Chu Đình B; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 12 màu xanh của Đào Quang T; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone XS max màu vàng của Trương Thị Quỳnh N; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 12 pro màu vàng của Trương Thị A; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng mặt sau nhiều trầy xước, mặt kính nứt vỡ đã qua sử dụng của Lê Xuân K.

Trả lại cho Vi Thị G 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 11 promax màu vàng; Trả lại cho Vi Thị Đ 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 12 màu xanh ngọc, vì không liên quan đến tội phạm.

Các vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự theo phiếu nhập kho số NK 39 ngày 29/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

Truy thu Nguyễn Văn H số tiền 2.500.000đ và Ngô Văn C số tiền 700.000 đồng đã thu lời bất chính khi bán ma túy.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị Quỳnh N, Trương Thị A, Vi Thị Đ và bị cáo Vi Thị G trình bày lời bào chữa: Về tội danh VKS truy tố là đúng tội nên không có ý kiến. Đề nghị HĐXX xem xét:

Đối với bị cáo Vi Thị Đ đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s, i, n khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 58 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức án thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Đối với bị cáo Trương Thị Quỳnh N điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58, Điều 91 và Điều 101

của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức án thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Đối với bị cáo Trương Thị A và Vi Thị G đề nghị áp dụng b, c khoản 2 Điều 255, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức án thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nhận định về hành vi, quyết định tố tụng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy, hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Định; Hành vi của Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Nhận định về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 25/12/2022, Chu Đình B, Đào Quang T, Lê Xuân K, Trương Thị Quỳnh N, Trương Thị A, Vi Thị Đ, Vi Thị G đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho bản thân và cho 03 đối tượng là Nguyễn Thế K3, Lê Văn Linh, Vi Thị N3 sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng Vip 4, quán karaoke Tuấn Giang ở thôn X, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang. (Thời điểm phạm tội Trương Thị Quỳnh N dưới 18 tuổi).

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Ngô Văn C đã có hành vi mua ma túy rồi bán lại cho các bị can để kiếm lời. Lê Anh L đã có hành vi giúp sức cho Đào Quang T mua được ma túy từ H và C, nên hành vi của L là đồng phạm với H và C về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn K phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở chứng minh các bị cáo Chu Đình B, Đào Quang T, Lê Xuân K, Trương Thị Quỳnh N, Trương Thị A, Vi Thị Đ, Vi Thị G đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho bản thân và cho 03 đối tượng là Nguyễn Thế K3, Lê Văn Linh, Vi Thị N3 theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trương Thị Quỳnh N (khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi) phạm tội tổ chức sử dụng

trái phép chất ma túy cho theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Ngô Văn C và Lê Anh L phạm tội mua bán trái phép chất ma túy theo điểm 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, tội danh tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đã chính thức được thành lập đối với các bị cáo Chu Đình B, Đào Quang T, Lê Xuân K, Trương Thị Quỳnh N, Trương Thị A, Vi Thị Đ, Vi Thị G. Tội mua bán trái phép chất ma túy đã chính thức được thành lập đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Ngô Văn C và Lê Anh L. VKSND huyện Yên Định truy tố các bị cáo theo tội danh trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá về những người có liên quan đến hành vi phạm tội:

Về nguồn gốc ma túy mà các đối tượng sử dụng, Nguyễn Văn H khai số ma túy bán cho Đào Quang T là H mua của một người tên Q ở xã Yên Thọ, huyện Yên Định, H không biết tên họ đầy đủ và địa chỉ cụ thể của Q, H chưa gặp Q lần nào. Thời điểm mua ma túy trời tối, người đưa ma túy bịt khẩu trang nên H không nhìn rõ mặt và biển số xe, H không xác định được người đưa ma túy có phải Q hay không. Cơ quan điều tra đã xác minh và làm việc với Lê Đình Q, sinh năm 1999 ở thôn XT, xã Yên Thọ, huyện Yên Định, Thanh Hóa và Bùi Thùy D, sinh năm 2001 ở xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, Thanh Hóa (là vợ Q). Tuy nhiên, Q không thừa nhận bán ma túy cho H, Bùi Thùy D khai số tiền 9.800.000 đồng chuyển vào tài khoản của D tối ngày 25/12/2022 là do một người không quen biết nhờ chuyển vào để lấy tiền mặt. Ngoài lời khai của H không có tài liệu chứng cứ nào khác nên không có cơ sở để xử lý đối với Lê Đình Q và Bùi Thùy D.

Ngoài ra, Nguyễn Văn H còn khai 02 lần bán 03 viên ma túy dạng kẹo và nửa chỉ Ketamine với số tiền 3.500.000 đồng và 03 viên ma túy dạng kẹo với số tiền 1.700.000 đồng cho người có Facebook MonMon. Tuy nhiên, chị Sơn Thị Thanh S, sinh năm 1994 ở Ấp An Nhơn, xã Thới An Hội, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng là người có Facebook MonMon không thừa nhận đã mua ma túy của H. Chị Nguyễn Thị Ngọc R, sinh năm 2000 ở Ấp Tân Phú, xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp là người có số tài khoản 103871647972 mở tại ngân hàng VietinBank đã chuyển số tiền 3.500.000 đồng và 1.700.000 đồng đến số tài khoản 0343592592 Ngân hàng MB của anh Hà Như P cho H, chị R khai số tiền này chị R vay của H nên trả cho H. Ngoài lời khai của H, không có tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện việc H bán ma túy cho S, nên không có căn cứ xử lý về hành vi mua bán ma túy giữa H với S.

Đối với anh Hoàng Việt M đã cho Lê Xuân K mượn số tài khoản của mình để thực hiện mua bán ma túy. Tuy nhiên, anh M không biết mục đích sử dụng của K, nên hành vi của anh M không đồng phạm với các bị cáo nêu trên.

Đối với Hà Như P, người lái xe taxi chở H và C đi mua ma túy, sau đó cho H mượn số tài khoản để thực hiện việc chuyển tiền mua bán ma túy. Bản thân P không biết mục đích của H và C, hai bị cáo cũng không nói cho P biết việc mua bán ma túy. Do đó không có căn cứ xử lý P với vai trò đồng phạm về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Đối với Nguyễn Thế K3 đã đưa cho Vi Thị Đ tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng. Sau đó Đ sử dụng tờ tiền này cuốn thành ống hút cho các đối tượng sử dụng ma túy. Lúc xin Đ không nói và K3 không biết mục đích sử dụng tờ tiền nên Cơ quan điều tra không xử lý K3 với vai trò đồng phạm về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Thế K3, Lê Văn Linh và Vi Thị N3 không tham gia vào việc tổ chức sử dụng ma túy với các bị cáo nên không phải là đồng phạm trong vụ án. Công an huyện Yên Định đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn M1, mặc dù M1 biết việc T mua ma túy, nhưng M1 không biết mục đích sử dụng và cũng không tham gia việc tổ chức sử dụng ma túy với T và các bị cáo khác nên hành vi của M1 không cấu thành tội phạm.

[4] Đánh giá tính chất của vụ án và quan hệ pháp luật xâm phạm:

Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hại cho xã hội. Xâm phạm trực tiếp chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, xâm phạm đến trật tự xã hội, xâm phạm đến sức khỏe và sự phát triển giống nòi của dân tộc. Vì vậy, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mới có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy đang diễn ra hết sức phức tạp trên địa bàn hiện nay.

[5] Đánh giá về vai trò của các bị cáo:

Đây là vụ án hình sự có tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy các bị cáo Chu Đình B và Đào Quang T, là người là người khởi xướng việc tổ chức sử dụng ma túy, dùng tiền của mình đi mua ma túy, tìm nơi mua ma túy, sử dụng địa điểm kinh doanh để phạm tội, gọi người đến sử dụng nên giữ vai trò thứ nhất. Lê Xuân K là người giao nhận mang ma túy lên phòng cho mọi người sử dụng nên có vai trò thứ hai. Trương Thị A, Trương Thị Quỳnh N, Vi Thị Đ và Vi Thị G là những nhân viên của quán, làm việc theo sự chỉ đạo của B và T lấy dụng cụ để sử dụng ma túy, có vị trí, vai trò thứ yếu không đáng kể trong vụ án. Đối với tội mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo Nguyễn Văn H là người tích cực nhất trong việc mua bán nên có vai trò thứ nhất. Bị cáo C có vai trò tích cực ít hơn nên giữ vị trí thứ hai. Bị cáo

Lê Anh L không trực tiếp đi mua bán trái phép chất ma túy nhưng đầu mối cho việc mua bán ma túy thành công có vai trò giúp sức nên có vai trò thứ ba.

[3] Nhận định các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và hình phạt bổ sung:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Vi Thị Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội là phụ nữ có thai” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trương Thị Quỳnh N, Trương Thị A, Vi Thị Đ và Vi Thị G là những người có vị trí, vai trò thứ yếu không đáng kể trong vụ án có đồng phạm, được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Xuân K, Vi Thị Đ, Nguyễn Văn H và Ngô Văn C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “Đầu thú”; Các bị cáo Chu Đình B, Đào Quang T, Trương Thị Quỳnh N, Vi Thị Đ và Ngô Văn C có ông bà là người có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Trương Thị Quỳnh N khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên được hưởng các chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở tính chất của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy: Các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, đưa bị cáo vào môi trường cải tạo theo quy chế trại giam mới có tác dụng giáo dục và răn đe phòng ngừa chung. Các bị cáo Trương Thị Quỳnh N, Trương Thị A, Vi Thị Đ và Vi Thị G có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 BLHS, nên cần áp dụng thêm Điều 54 để xét xử dưới khung hình phạt. Tạo điều kiện cho bị cáo là người dân tộc thiểu số sớm trở về nuôi con, hòa nhập cộng đồng.

Hình phạt bổ sung: Qua xác minh, xác định các bị cáo không có tài sản riêng. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về vật chứng: Số vật chứng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy gồm: 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng đã qua sử dụng.

Vật chứng là công cụ phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm: 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu vàng của Chu Đình B; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 12 màu xanh của Đào Quang T; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone XS max màu vàng của Trương Thị Quỳnh

N; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 12 pro màu vàng của Trương Thị A; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng mặt sau nhiều trầy xước, mặt kính nứt vỡ đã qua sử dụng của Lê Xuân K.

Đối với 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 11 promax màu vàng của Vi Thị G và 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 11 promax màu vàng của Vi Thị Đ không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho các bị cáo.

Các vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự theo phiếu nhập kho số NK 39 ngày 29/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

Truy thu Nguyễn Văn H số tiền 2.500.000đồng và Ngô Văn C số tiền 700.000 đồng đã thu lời bất chính khi bán ma túy.

[5] Về án phí: Các bị cáo có tội nên phải chịu án phí HSST. Các bị cáo Trương Thị Quỳnh N, Trương Thị A, Vi Thị Đ và Vi Thị G là dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thuộc hộ cận nghèo. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, miễn án phí HSST cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Chu Đình B, Đào Quang T, Lê Xuân K, Trương Thị A, Vi Thị Đ, Vi Thị G, phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự, tuyên bố Trương Thị Quỳnh N phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Ngô Văn C và Lê Anh L, phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Chu Đình B** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/12/2022.

Xử phạt: **Đào Quang T** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/12/2022.

Xử phạt: **Lê Xuân K** 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/12/2022.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Trương Thị A** 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/12/2022.

Xử phạt: **Vi Thị G** 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/12/2022.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s, i, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: **Vi Thị Đ** 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Được trừ đi 06 ngày tạm giữ (27/12/2022 đến ngày 02/01/2023). Thời hạn chấp hành án tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58, Điều 91, Điều 101 BLHS.

Xử phạt bị cáo **Trương Thị Quỳnh N** 05 (năm) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/12/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 (khoản 2 Điều 51 đối với H và C), Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: **Nguyễn Văn H** 33 (ba mươi ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 29/12/2022.

Xử phạt: **Ngô Văn C** 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 29/12/2022.

Xử phạt: **Lê Anh L** 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu vàng của Chu Đình B; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 12 màu xanh của Đào Quang T; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone XS max màu vàng của Trương Thị Quỳnh N; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 12 pro màu vàng của Trương Thị A; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng mặt sau nhiều trầy xước, mặt kính nứt vỡ đã qua sử dụng của Lê Xuân K.

Trả lại cho Vi Thị G 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 11 promax màu vàng; Trả lại cho Vi Thị Đ 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 12 màu xanh ngọc, vì không liên quan đến tội phạm.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ màu trắng.

Các vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự theo phiếu nhập kho số NK 39 ngày 29/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

Truy thu Nguyễn Văn H số tiền 2.500.000đồng và Ngô Văn C số tiền 700.000 đồng đã thu lời bất chính khi bán ma túy.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu. Buộc các bị cáo Chu Đình B, Đào Quang T, Lê Xuân K, Nguyễn Văn H, Ngô Văn C và Lê Anh L mỗi người phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST. Miễn tiền án phí HSST cho các bị cáo Trương Thị A, Vi Thị Đ, Vi Thị G, Trương Thị Quỳnh N

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên quyền kháng cáo bản án cho các bị cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Công an huyện Yên Định;
- Các bị cáo; Người liên quan;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng